**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN PHÚ TÂN**
TỈNH AN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 487/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2019
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thành Thuận

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Võ Văn Tám
2. Ông Thái Công Sết

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Ngô Minh Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST- HNGĐ, ngày 11-3-2019 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về "*ly hôn và nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Kim P, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: tổ 12, ấp Bình T1, xã PB, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Bùi Chí T, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: tổ 9, ấp Bình T1, xã PB, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

(Chị P có đơn đề nghị vắng mặt, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện ngày 14-2-2019 và bản tự khai ngày 04-6-2019 chị Dương Thị Kim P trình bày:* Nguyên anh chị tìm hiểu nhau trước vào khoảng năm 2008, thời gian tìm hiểu được 01 năm và được cha, mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 20-02-2010DL và sống chung một thời gian mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã PB, huyện phú Tân, tỉnh An Giang vào ngày 27-4-2013. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Lý do: bất đồng quan điểm sống hằng ngày, cự cãi nhau về việc tiền bạc do anh T không có làm gì ra tiền, cứ ăn nhậu thường xuyên; không chăm lo gia đình một thời gian dài từ năm 2017 cho đến năm 2018. Vợ chồng cùng

nhau làm thuê tại Công ty thuộc tỉnh Bình Dương nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn và chị bỏ về sống với cha, mẹ ruột sống ly thân cho đến nay. Nay cảm thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn chung sống với nhau nên yêu cầu ly hôn với anh T.

+ Về quan hệ con chung: chị P xác định quá trình chung sống với anh T có 01 người con chung tên Bùi Gia B, sinh ngày 24-7-2010 hiện chung sống với anh T do ông bà nội tại xã PB chăm lo (hiện cháu học lớp 3 Trường Tiểu học B PB), nay yêu cầu ly hôn đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến thành niên.

+ Về quan hệ tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về quan hệ nợ phải thu phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn anh Bùi Chí T vắng mặt từ khi tòa án thụ lý đến khi xét xử, nên không có lời trình bày.*

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị P có đơn đề nghị xin vắng mặt phiên tòa theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn anh Bùi Chí T vắng vắng mặt, không chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung: Hôn nhân của chị P và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và thời gian ly thân kéo dài, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị P về xin ly hôn là có căn cứ pháp luật. Về con chung hiện đang chung sống bên gia đình anh T, chị P cũng thống nhất giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và cấp dưỡng mỗi tháng 700.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị P.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và đề nghị đại diện VKSND, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

*[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:*

*1.1 Về quan hệ tranh chấp*: Chị Dương Thị Kim P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.2 Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn anh Bùi Chí T, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: tổ 9, ấp Bình T1, xã PB, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Dương Thị Kim P có đơn đề nghị xin vắng mặt phiên tòa nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị P.

Bị đơn anh Bùi Chí T được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Bùi Chí T không có mặt, nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Bùi Chí T.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Kim P và anh Bùi Chí T có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 58/2013, ngày 27-4-2013 do UBND xã PB, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo giấy trích lục kết hôn số 1034/TLKH-BS ngày 15-9-2017) đây là hôn nhân được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập từ năm 2010 đến năm 2018 trên cơ sở tìm hiểu nhau và tự nguyện chung sống với nhau đến năm 2013 mới đi đăng ký kết hôn, thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cự cãi thường xuyên, quan điểm trong cuộc sống hằng ngày; cự cãi nhau trong sinh hoạt gia đình lúc đi làm ăn xa nhà và thời gian dài không chung sống với nhau nên anh chị đã chính thức ly thân từ năm 2018 cho đến nay; thời gian ly thân anh chị không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với lời khai của bà Huỳnh Thị M (mẹ ruột anh Bùi Chí T). Đồng thời từ khi ly thân cho đến nay, cũng như từ khi Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của chị P phía anh T cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm; không còn quan tâm về hôn nhân này nên chị P yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: chị P xác định quá trình chung sống với anh T có 01 người con chung tên Bùi Gia B, sinh ngày 24-7-2010 hiện do gia đình anh Bùi Chí T chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ khi ly thân cho đến nay cháu Bùi Gia B chung sống với gia đình của anh T được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định và ăn học đầy đủ như bao đứa trẻ khác; phù hợp với lời khai của bà Huỳnh Thị M(mẹ ruột anh Bùi Chí T) hiện anh T tạm giao cho bà M nuôi dưỡng, anh T hàng tháng gửi tiền cho bà chăm lo cho cháu Bùi Gia B ăn học; đồng thời chị P cũng đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 700.000 đồng đến thành niên. Do đó, HĐXX chấp nhận giao cho anh Bùi Chí T được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung đến thành niên hoặc tự lập được theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; công nhận sự  tự nguyện của chị P cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 700.000 đồng, thời hạn bắt đầu vào ngày 10-12-2019.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu phải trả: chị P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

*[3]. Về án phí DSST*: Chị Dương Thị Kim P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*[4] Quyền kháng cáo:* Chị Dương Thị Kim P và anh Bùi Chí T có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim P đối với anh Bùi Chí T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Kim P được ly hôn với anh Bùi Chí T.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao 01 người con chung tên Bùi Gia B, sinh ngày 24-7-2010 cho anh Bùi Chí T được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên hoặc tự lập được; chị Dương Thị Kim P tự nguyện cấp dưỡng nuôi người con tên Bùi Gia B, sinh ngày 24-7-2010 hàng tháng là 700.000 đồng, thời gian bắt đầu vào ngày 10 hàng tháng, kể từ ngày 10-12-2019 đến thành niên hoặc tự lập được.

2.2 Anh Bùi Chí T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Dương Thị Kim P đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí DSST:

3.1 Chị Dương Thị Kim P phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng chị Dương Thị Kim P chịu 600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005550 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, còn lại số tiền án phí 300.000 đồng chị Dương Thị Kim P phải nộp tiếp.

3.2 Anh Bùi Chí T không phải chịu án phí.

Chị Dương Thị Kim P và anh Bùi Chí T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện PT;
-Chi cục THADS huyện PT;
-UBND xã PB; huyện PT;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thành Thuận**